

HỘI THẢO KHOA HỌC CÔNG NGHỆ CHÀO MỪNG
NGÀY TRUYỀN THỐNG NGÀNH THỦY LỢI VIỆT NAM

Nâng cao năng lực ngành thủy lợi Thành tựu và Thách thức

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2017

Nội dung báo cáo

1. Giới thiệu chung
2. Thành tựu đạt được
3. Tồn tại, thách thức
4. Định hướng nhiệm vụ

Phần 1

Giới thiệu chung

Giới thiệu chung

Nước ta có lượng mưa trung bình năm khoảng **1960 mm**; Tổng lượng dòng chảy hàng năm là **847 tỷ m³**, trong đó lượng dòng chảy phát sinh từ các sông quốc tế chảy vào Việt Nam là **507 tỷ m³ (chiếm 60%)**; dòng chảy phát sinh trong nội địa là **340 tỷ m³ (chiếm 40%)**;

Tổng dung tích trữ của các hồ chứa khoảng **69,5 tỷ m³** hồ (**8%** tổng lượng nước mặt). Trong đó thủy điện **56 tỷ m³**, hồ thủy lợi **13,5 tỷ m³**.

Nhân định:

- Lượng nước bình quân trên đầu người ở mức độ trung bình nhưng phân bố không đều cả theo không gian và thời gian. Nguy cơ hạn hán, thiếu nước đặc biệt ở vùng ven biển Miền Trung, Tây Nguyên và ĐBSCL;
- Nguồn nước hai vùng ĐBSH, ĐBSCL phụ thuộc vào sông quốc tế, trong bối cảnh phát triển vùng thượng nguồn rất mạnh do nhu cầu thủy điện và chuyển nước;
- Sản xuất nông nghiệp phổ biến ở quy mô hộ gia đình, nhỏ lẻ trong khi yêu cầu dùng nước rất lớn.
- Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt, đô thị, dịch vụ, công nghiệp tăng nhanh.

→ Công tác thủy lợi có vai trò quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phòng chống thiên tai đất nước.

Phần 2

Thành tựu đạt được

Khái quát quá trình phát triển

Việt Nam có truyền thống làm thủy lợi; Đảng và Chính phủ đặc biệt quan tâm đối với sự nghiệp phát triển thủy lợi qua các thời kỳ.

Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975, Miền Bắc giải phóng đã nhanh chóng **khôi phục các hệ thống thủy lợi bị chiến tranh tàn phá, đẩy mạnh xây dựng các công trình lớn**, như Cẩm Sơn, Núi Cốc, Thác Bà, các trạm bơm hệ thống Bắc Nam Hà, các hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải, sông Nhuệ... có quy mô phục vụ tưới, tiêu lên đến hàng trăm nghìn hecta.

Khái quát quá trình phát triển

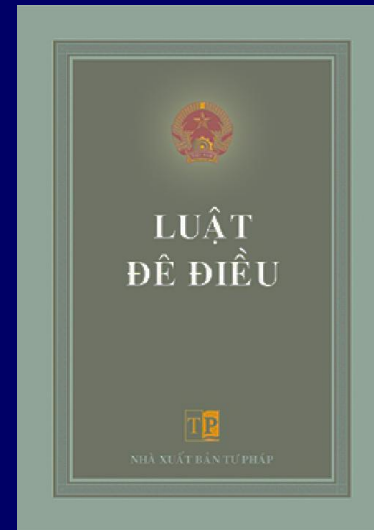
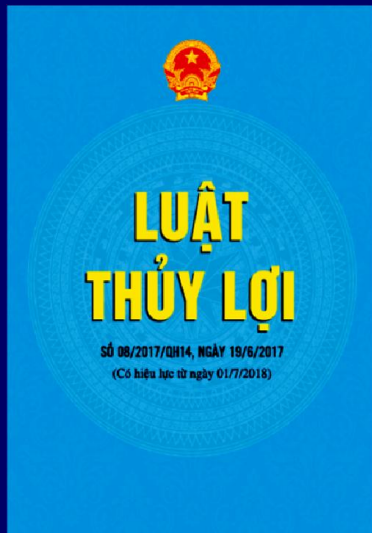
Giai đoạn từ sau năm 1975, khi đất nước thống nhất, với sự tăng cường lực lượng cán bộ khoa học, kỹ thuật từ miền Bắc, công tác quy hoạch và xây dựng các hệ thống thủy lợi đã được triển khai mạnh mẽ ở miền Nam và Miền Trung.

Đặc biệt thời gian gần đây với nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA, đã tạo đột phá về phát triển thủy lợi trong phạm vi cả nước:

- **Các HTCTTL** Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên, Gò Công, Bán đảo Cà Mau, Ô môn – Xà no, Bắc Bến Tre; Quản lộ - Phụng Hiệp;

- **Các hồ chứa lớn** Hòa Bình, Sơn La, Bản Mòng, Phú Ninh, Kẻ Gỗ, Sông Rác, Iayun Hạ, Easup Hạ, Dầu Tiếng – Phước Hòa, sông Quao, Cửa Đạt, Ngàn Trươi – Cẩm Trang, Định Bình, Tả Trạch, Rào Trỏ, Tân Mỹ; các công trình đập Vân Phong; cống Thảo Long.

QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT



CÔNG TRÌNH KẾT CẤU HẠ TẦNG

- Hiện có 904 HTCTTL quy mô phục vụ > 200ha, trong đó 110 hệ thống quy mô phục vụ > 2000 ha;
- Có 6978 hồ chứa với dung tích trữ khoảng 69,5 tỷ m³ nước (6648 hồ thủy lợi; 330 hồ thủy điện);
- 13.400 trạm bơm điện lớn;
- 5.500 cống tưới tiêu lớn;
- 235.000 km kênh mương;
- 26.000 km đê các loại;

TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Trên 3 vạn người trực tiếp làm công tác thủy lợi;

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (TCTL; TCTT);
- Địa phương (Chi cục);

TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP & KHOA HỌC

Hệ thống các Trường, Viện;

DOANH NGHIỆP

- 97 Cty KTCTTL (03 Cty thuộc Bộ; 94 Cty thuộc tỉnh);
- 21.000 tổ chức thủy lợi cơ sở;

HIỆU QUẢ PHỤC VỤ

- Đảm bảo tưới cho **7,482 triệu** ha đất gieo trồng lúa, chiếm **96% diện tích gieo trồng** (vụ Đông Xuân 3.093 triệu ha, Hè Thu 2,063 triệu ha, Mùa 1,657 triệu ha và Thu Đông 0,669), tưới cho 1,645 triệu ha rau màu, cây công nghiệp hàng năm. Tạo nguồn cấp nước cho 1,3 triệu ha đất gieo trồng;

- Kiểm soát mặn 0,87 triệu ha; cải tạo chua phèn 1,6 triệu ha, tiêu nước cho trên 1,72 triệu ha đất nông nghiệp, cấp nước phục vụ nuôi trồng thủy sản 0,406 triệu ha;

- Tạo điều kiện phát triển đa dạng hoá cây trồng, chuyển dịch cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp.

- Cấp khoảng 6 tỷ m³ nước phục vụ sinh hoạt và công nghiệp;

- Khoảng **87% dân số nông thôn** được tiếp cận nước hợp vệ sinh; gần 91% các trường học, 93% trạm y tế cấp xã đã có nước sạch và công trình vệ sinh và khoảng 62% hộ gia đình có nhà tiêu hợp vệ sinh.

Hệ thống thủy lợi đã góp phần đảm bảo nguồn nước để cấp nước sinh hoạt cho đô thị, khu công nghiệp, phòng chống lũ, chống úng, ngập cho khu vực đô thị và nông thôn, chống hạn, xâm nhập mặn...

Thủy lợi đã góp phần quan trọng đưa nước ta từ quốc gia thiếu lương thực, trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.

Phần 3

Tồn tại và thách thức

Tồn tại

Cơ sở hạ tầng thủy lợi mặc dù đã có bước phát triển vượt bậc, nhưng còn thiếu đồng bộ, phục vụ sản xuất nhỏ lẻ, **chưa đáp ứng được yêu cầu phục vụ nền nông nghiệp đa dạng và hiện đại;**

- **Yêu cầu đầu tư xây dựng mới, sửa chữa nâng cấp công trình thủy lợi lớn, sửa chữa, bảo đảm an toàn hồ đập còn rất lớn** trong khi nguồn lực quốc gia chưa đáp ứng yêu cầu – trong khi thủy lợi là lĩnh vực đặc biệt **khó xã hội hóa;**

- **Chủ yếu phục vụ cây lúa**, còn cây trồng cạn và thủy sản là lĩnh vực sản xuất nông nghiệp có đóng góp giá trị gia tăng cao cho sản xuất nông nghiệp lại chưa được quan tâm đúng mức;

Tồn tại

- Hoạt động quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp nước sạch nông thôn, hoạt động **dịch vụ nước còn mang tính bao cấp**, chưa tạo được hoạt động theo hướng kinh tế thị trường, do vậy đã hạn chế sự tham gia và không phát huy tính chủ động, sáng tạo của khu vực doanh nghiệp tư nhân, cộng đồng và nhân dân tham gia.

- Khoa học công nghệ **chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn**, việc áp dụng có hiệu quả vào thực tế còn hạn chế, chậm áp dụng công nghệ tiên tiến trong dự báo, giám sát hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, v.v... để hỗ trợ ra quyết định trong công tác phòng, chống thiên tai.

Thách thức từ BĐKH

Tác động của biến đổi khí hậu với biểu hiện cực đoan thiếu hụt lượng mưa, mưa trái mùa hoặc mưa tập trung cường độ cao trong thời đoạn ngắn, nắng nóng kéo dài, rét đậm, rét hại:

→ Dòng chảy sông suối bị suy giảm, lũ, ngập lụt, úng, hạn hán, xâm nhập mặn, v.v... ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất, dân sinh và hoạt động đô thị.

Thách thức từ BĐKH

- Mùa khô các năm 2015 - 2016, lượng mưa trung bình ở khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên chỉ đạt 60-70% so với trung bình nhiều năm (TBNN), có nơi khoảng 50% (Ninh Thuận, Khánh Hòa);

- Mùa khô năm 2016, dòng chảy sông Cửu Long xuống thấp nhất trong vòng 90 năm qua, một số sông khu vực Trung Bộ xuất hiện mực nước thấp nhất trong lịch sử quan trắc. Nông độ mặn, phạm vi xâm nhập mặn trong sông vùng ĐBSCL trầm trọng nhất trong lịch sử;

Hai năm 2015, 2016, khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và ĐBSCL, có khoảng **80.000 ha đất lúa phải dừng sản xuất** (chủ yếu ở các tỉnh Ninh Thuận Bình Thuận và Khánh Hòa) và khoảng **500.000 ha cây trồng bị ảnh hưởng năng suất**.

Thách thức từ BĐKH

- Cuối tháng 3/2015, các tỉnh từ Thanh Hóa đến Quảng Ngãi đã xuất hiện đợt mưa trái mùa, lượng mưa phổ biến đạt từ 50-100mm, một số trạm lên tới 300-400mm; tại Quảng Ninh tháng 7-8/2016 tổng lượng mưa 1.500 mm trong 10 ngày;

- Từ giữa tháng 10 đến 12/2016, khu vực miền Trung và Tây Nguyên đã xảy ra liên tiếp 5 đợt mưa, lũ lớn trên diện rộng với cường độ cực đoan, bất thường và kéo dài. Tổng lượng mưa tập trung trong 2 tháng tại một số khu vực mưa trên 2.500mm (Trà My 2.611mm, Minh Long 2.729mm). Lũ các sông lên cao xấp xỉ mức lũ lịch sử tại sông Vệ, sông Kôn, sông Ba gây ngập lụt nghiêm trọng.

- **Tháng 7 – 8/2017, mưa gây lũ tại các tỉnh miền núi phía Bắc gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản.**

Thách thức từ hoạt động phát triển

- Hoạt động **phát triển tại các quốc gia ở thượng nguồn** các sông liên quốc gia, như xây dựng các hồ thủy điện, công trình lấy nước lớn gây hậu quả nghiêm trọng cho vùng hạ du, đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Cửu Long (suy giảm bùn cát dẫn đến xói lở bờ sông, bờ biển; mực nước bị hạ thấp; gia tăng xâm nhập mặn, thiếu nước vào mùa khô; tăng nguy cơ lũ, ngập lụt vào mùa mưa, suy giảm phù sa bồi tụ đồng ruộng).

- Hoạt động **phát triển nội tại vùng ĐBSCL** (phát triển hạ tầng đô thị, giao thông, hoạt động khai thác cát sỏi từ lòng sông) làm trầm trọng tình hình ngập lụt tại các khu đô thị, tạo vật cản tại các tuyến thoát lũ gây ngập lũ nghiêm trọng tại vùng hạ du các lưu vực sông.

Thách thức từ hoạt động phát triển

- **Yêu cầu sử dụng nước, yêu cầu tiêu thoát nước tăng cao**; ô nhiễm nguồn nước trong các hệ thống thủy lợi;

- Nghiên cứu của Viện kỹ thuật địa lý Na Uy (trong khuôn khổ ODA hỗ trợ kỹ thuật cho Tổng cục Thủy lợi thực hiện từ năm 2013) tại Cà Mau cho thấy mối **quan hệ giữa sụt lún đất với khai thác nước ngầm** cho nuôi tôm – tốc độ sụt lún đất dao động từ 30cm đến 80cm cho 15 năm – **cao hơn rất nhiều tốc độ mực nước biển dâng** tại vùng ĐBSCL.

Phần 4

Định hướng nhiệm vụ

Hoàn thiện hệ thống pháp luật

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn hướng dẫn Luật Thủy lợi; Rà soát, hoàn thiện Chiến lược thủy lợi.

Bao gồm:

- 04 Nghị định;
- 03 Thông tư.

Đầu tư xây dựng công trình thủy lợi

- Nhà nước đầu tư xây dựng **công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt, công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi khó huy động các nguồn lực xã hội**, hồ chứa nước ở vùng khan hiếm nước; công trình thủy lợi kết hợp phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai; công trình thủy lợi ở **vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo**, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu.

- **Tổ chức, cá nhân** sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi **có trách nhiệm đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ**, thủy lợi nội đồng.

- **Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện** cho tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư xây dựng hoặc hợp tác đầu tư xây dựng công trình thủy lợi theo **hình thức đối tác công tư**.

Quản lý khai thác công trình thủy lợi

- Chuyển từ cơ chế “**thủy lợi phí**” sang cơ chế “**giá sản phẩm / dịch vụ thủy lợi**” tiếp cận với cơ chế thị trường → thay đổi nhận thức của xã hội về công tác thủy lợi, từ “**phục vụ**” sang “**dịch vụ**”; giúp người sử dụng dịch vụ hiểu rõ **bản chất hàng hóa của nước**; **gắn trách nhiệm giữa bên cung cấp và bên sử dụng dịch vụ thủy lợi**; góp phần nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- **Củng cố hệ thống thủy lợi cơ sở**, chỉnh trang đồng ruộng phục vụ canh tác lúa cải tiến, gắn với xây dựng nông thôn mới;

Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; Cấp nước cho nuôi trồng thủy sản;

- Tưới cho cây trồng cạn chủ lực gồm: Cà phê, hồ tiêu, điều, mía, chè, cây ăn quả, rau, hoa .v.v... ở Tây Nguyên, Đông Nam bộ ... **Đến năm 2020 có 500.000 ha cây trồng chủ lực được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước** (hiện đạt 145.000 ha);

- Đảm bảo cấp, thoát nước chủ động, bảo đảm chất lượng nước cho các **vùng nuôi thủy sản thâm canh, tập trung** ở ĐBSCL và Nam Trung bộ;

Bảo đảm an toàn đập

Bảo đảm an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất, dân sinh, đến năm 2022 sửa chữa, nâng cấp cho 1.150 hồ chứa nước xung yếu:

- Hoàn thiện **hệ thống thể chế, chính sách** trong lĩnh vực an toàn đập, sửa đổi, bổ sung Nghị định 72/2012/NĐ-CP cho phù hợp với thực tế.
- Hoàn thiện **hệ thống tiêu chuẩn, định mức** kinh tế - kỹ thuật hướng dẫn công tác quản lý an toàn đập;
- Đẩy mạnh áp dụng khoa học, công nghệ, hợp tác quốc tế trong quản lý an toàn đập, như: **công nghệ quan trắc, giám sát đập, công nghệ dự báo, cảnh báo** phục vụ vận hành theo thời gian thực.

Thích ứng với BĐKH

- Tập trung nghiên cứu đánh giá **tác động của biến đổi khí hậu** và **quá trình phát triển** tới khu vực vùng đồng bằng các lưu vực sông;
- **Xây dựng tầm nhìn dài hạn** phục vụ rà soát điều chỉnh quy hoạch thủy lợi; chú trọng công tác quản lý rủi ro, giải pháp mềm, thân thiện với môi trường;

Nước sạch nông thôn

- Áp dụng giải pháp đồng bộ để **thúc đẩy khu vực tư nhân đầu tư vào nước sạch nông thôn**, huy động cộng đồng tham gia xây dựng, quản lý hệ thống cấp nước quy mô nhỏ, hệ thống nước sạch ở vùng sâu, vùng xa, biên giới;
- Tăng cường công tác truyền thông;
- Thúc đẩy áp dụng công nghệ xử lý nước phân tán **quy mô hộ gia đình**.

Xin trân trọng cảm ơn !